

SÁCH CHỮ THÁI - MỘT NGUỒN TƯ LIỆU DÂN TỘC HỌC ĐÁNG QUÍ

TRƯƠNG SỸ HÙNG - CẨM LAN

Trong quá trình phát triển lịch sử xã hội cũng như tiến trình phát triển văn học Thái, văn học dân gian và văn học thành văn của dân tộc Thái đã có vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển không ngừng này.

Từ trước đến nay, nhiều nhà khoa học, nhà văn đã sưu tầm và nghiên cứu về giá trị lịch sử xã hội cũng như giá trị văn học của các tác phẩm, nhiều cuốn đã được dịch ra tiếng Việt hay phiên âm để giới thiệu như *Quám tổ mường*, *Khun Lú*, *Nàng Ủa*, *Xống Chụ xon xao*...

Trong giới hạn của bài viết, chúng tôi xin giới thiệu tóm tắt những điểm chính của các danh mục sách còn được lưu truyền trong kho tàng tư liệu quý báu này.

I. Về lịch sử và xã hội

1. *Quám tổ mường và Quám phanh mường*

"Bằng lối văn thơ kể chuyện Thái, tác phẩm đã nêu lên những sự kiện lịch sử hoặc có liên quan tới các dòng họ quý tộc ở một hay nhiều châu mường. Trong đó đã nêu rõ những mối liên hệ chằng chịt giữa quý tộc với quý tộc, giữa quý tộc với lớp chức dịch của bộ máy thống trị, giữa quý tộc với nhân dân trong châu mường, quý tộc với các triều đại phong kiến Việt Nam về những cuộc chiến tranh. Ở trong tác phẩm ta thấy có những trường đoạn khá dài dành cho những chiến công hiển hách của các thời kỳ lịch sử quý tộc Thái.

Đó là trường đoạn nói về những chiến công của Lạn Chượng suốt chặng đường mở đất, mở mường, từ mường Lò cho đến mường Thanh. Hoặc các trường đoạn dành cho thời kỳ Pú Chấn Ngự Hán khoảng 150 câu thơ. Sau đó đến thời TaNgôn được dành một

trường đoạn kỷ lục trên 200 câu miêu tả lịch sử.

Quám Tổ Mường, một mặt có tính chất gia phả của quý tộc nhưng lại mang màu sắc của một tập sử biên niên" (1).

"Lối văn Quám tổ mường khoáng đạt, mạch lạc, rõ ràng, gọn và xúc tích. Đó là cuốn tư liệu quý, đóng góp rất tích cực vào việc dựng lại lịch sử dân tộc Thái nói riêng và lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung" (2). Tập tư liệu này đã được Cẩm Trọng, Cẩm Quỳnh dịch ra tiếng Việt và xuất bản năm 1960.

Cẩm Trọng, Đặng Nghiêm Vạn dịch, chú thích, khảo dị và xuất bản trong tập *Tư liệu về lịch sử xã hội dân tộc Thái*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1977.

2. *Quám phanh mường và Quám phiết mường*

Quám phanh mường và Quám phiết mường có cùng một nghĩa "phiết-phanh" là một từ kép của ngôn ngữ Thái. Tùy từng nơi dùng chữ "phanh" hoặc "phiết" theo sở thích.

Quám phanh mường thực chất là lịch sử diễn ca, nội dung chủ yếu của nó rất giống với "Quám tổ mường", nhưng sự khác biệt cơ bản với Quám tổ mường là hình thức "diễn ca".

Do tính chất diễn ca nên *Phanh mường* đã mang tính chất một truyện thơ lịch sử, ở đây đã sử dụng một thể thơ chính thống của dân tộc, có thể ngâm, hát.

Về nội dung, *Phanh mường* chia làm hai tập *Phanh mường nội* và *Phanh mường ngoài*.

Phanh mường nội là diễn ca lịch sử kể khá tỉ mỉ về một sự kiện lịch sử nổi bật, hoặc có những tình tiết éo le, không thể nói được đầy đủ trong Quám tổ mường.

Phanh mường chuyên về ca tụng những "chầu mường" có nhiều công lao và những chiến công đó nổi tiếng trong lịch sử phát triển của quý tộc. Ví dụ, Quám phanh mường nội Mường la (Mường La Sơn La) là một sử thi diễn ca về thời Pú Châu. Bun Phanh là thủ lĩnh của châu Mường La, nơi đã từng có

(1) (2) Cẩm Trọng *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*. Nxb khoa học xã hội, H, 1978, tr.65 và tr.230.

nhiều chiến tích oanh liệt. Bun Phanh đã chỉ huy các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm từ phía Tây và phía Bắc vùng đất Thái, giải phóng châu Hoa Phù, cứu trợ thành Hưng Hóa ở phía Đông - Nam, đánh đến tận Mường Nhé, Pitong... Ông đã được triều đình phong kiến Việt Nam phong tước *Giá Ngai tướng quân* cai quản mười sáu châu Thái. Sau đó, với cuộc khởi nghĩa Hoàng Công Chất, ông là thủ lĩnh duy nhất châu Thái chống Hoàng Công Chất và bị Công Chất bắt được đem về giam ở phủ Điện Biên, chết tại đó.

Tác phẩm này dài trên 300 câu thơ, là sử liệu quý giá về thời Hoàng Công Chất và Bun Phanh.

Ở Mường Muối (Thuận Châu) *Quám phanh mường nội* tập trung ca ngợi Lò Lệt.

Quám phanh mường luông (lớn), về hình thức giống với *phanh mường nội* (nhỏ), nhưng vươn tới về nội dung là diễn ca lịch sử toàn dân tộc Thái.

3. *Quám cáo mường*

Là tập diễn ca về địa lý và nhân văn bản mường, dài hơn 100 câu.

4. *Piết mường* (còn gọi là *piết xên - Piết phon*)

Cũng giống như *Quám tố mường*, tiếng Mộc Châu gọi là *Piết mường*

Piết mường là khúc diễn ca của nhân dân Thái Mộc Châu nói về Phá Nha Nhọt (Chon Cam) dẫn quân đến Mộc Châu chiếm lĩnh.

5. *Hịt "Pú tạo panh quan" tục lệ đất tạo bỏ quan thời Bun Hoan*

Pú tạo panh quan giới thiệu về hệ thống chức dịch trong bản mường. Đứng đầu là *châu mường* hay *án nha*, còn được gọi là *tri châu*.

Dưới *châu mường* có hội đồng *bô lão* gọi là *bô lão toàn mường*

Nhỏ hơn *châu mường* có *phía mường*, *tạo lộng*, *tạo quan* là do hàng ngũ quý tộc nắm giữ, tương đương với đơn vị bản. Ngoài ra còn có *ông pần*, *ông poong*, *ông holuông* *ông lam* họ v.v...

Hệ thống quan chức này tương đối chặt chẽ và luôn tuân thủ theo phép tắc bản mường.

6. *Hịt "Tánh ná" giới thiệu về lệ phân bố ruộng đất thời Bun Yên 1866.*

Khi bộ máy thống trị của quý tộc xuất hiện thì những người nông dân không thể ở tạm trên các bản. Tạo buộc họ phải ra ở *chiềng* để chấp chính. Các chức ông được phân ruộng và bản làng *cuông*.

Việc phân bổ cụ thể phụ thuộc hoàn toàn vào sự chỉ định của *châu mường*. Người đứng đầu *mường* chỉ định người ở bản nào thì chức đó sẽ hưởng suất ruộng gọi là *ná bốt* ở bản đó khi xuất *ná bốt* có nhiều hay ít lại phụ thuộc vào ruộng toàn *mường* của bản đã có. Nếu bản đó nhiều ruộng mà ít người thì chức dịch sẽ được hưởng nhiều và ngược lại. Người nông dân cày cấy trên *ruộng toàn mường* phải có nghĩa vụ với *mường*, đóng góp lao động tạp dịch, đóng thóc theo sản lượng và diện tích đã được phân bổ.

7. *Số đình điền*

Định mức sản lượng và thuế ruộng đất thời Minh Mệnh nguyên niên (1820) của nhà chức trách *mường Muối* có ghi về số ruộng của các bản trong "Mường phía trong":

- Bản Chợ 400 gánh

Bản Ná Nội 500 gánh(1)

Như vậy việc phân bố ruộng gọi là *ná háp bé* của các hộ "nông dân gánh vác" luôn luôn phải căn cứ trên ba yếu tố:

- Nghĩa vụ việc *mường*.

- Số diện tích của ruộng trong đơn vị cư trú là bản hay *mường*.

- Số sản lượng đã được qui định.

8. *Quám xóc Hán cơ lương* (Kể chuyện giặc cơ vàng)

"Phía Bun Yên làm tri châu Mường La được bảy năm thì bản *mường* loạn lạc. Năm

(1) Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái Nxb khoa học xã hội, H 1977 tr. 140

Tấu xán tướng cờ vàng do Dịp Tài chỉ huy kéo đến cướp phá bản mường” (1)

Từ đó xảy ra binh biến giữa quân Ngô-Hán là Dịp Tài, phó Đề đốc Chăm Ngọc Hánh và Chăm Ngọc Tâm. Mường Ngò rơi vào tay Dịp Tất tướng Ngô Hán.

Sau khi chiếm mường Lò, Dịp Tài kéo quân chiếm mường và sai người lên loan báo cho tri châu Mường La.

Cầm Ngọc Yên ra hàng. Bun Yên biết, cử đội Sáu và ông Lạm Ho mang binh phục sẵn ở núi Khau Xam Xíp, ở giáp mường Chiến và mường La. Hai bên đánh nhau dữ dội, binh Thái thua, phải lui về ẩn nấp.

Bun Yên xuôi về thành Hưng tâu vua. Người Hán thuê người bỏ thuốc độc giết Bun Yên.

Đất Thái bị phá tan hoang, riêng có mường Lay là được yên vì theo ông Lưu (2).

9. *Quám Ngọc Chiếm của Chăm Văn Oai - sáng tác kể chuyện về dư đảng quân Cờ Đen (1890-1896).*

Năm 1890 một bộ phận nghĩa quân Chăm Vương do Nguyễn Danh Cao lãnh đạo vẫn tiếp tục hoạt động ở vùng tả ngạn Sông Đà và biên giới Việt-Trung. Thực dân Pháp đã ghi lại trong cuốn “lịch sử Đông Dương” (Histoire militaire de L.I.F)... “Đã từ lâu người ta báo tin về sự xuất hiện một toán giặc (tức nghĩa quân-TG) có vũ khí ở phía Bắc biên giới gần Mường Là (Trung Quốc) đó là quân chủ tướng Nguyễn Danh Cao trước đây đã chống lại chúng ta (tức thực dân Pháp - TG)”. Về sau nghĩa quân gặp nhiều khó khăn và bị quân Vân Nam đánh lại. Tháng 6 năm 1890, Nguyễn Danh Cao đã ra hàng Pháp.

Năm 1891, nghĩa quân H’mông - Dao của Giàng Nủ Cư Lâu và Đặng Phúc Thành tiếp tục kiểm soát vùng cao Nghĩa Lộ. Từ đấy, nghĩa quân đã chặn càn quét vào Mù Căng Chải (lúc đó gọi là Lồng Cống, Lồng Mù) để bảo vệ căn cứ. Ngày 25 tháng 3 năm 1892, nghĩa quân đánh úp đồn Tú Lệ gây nhiều thiệt hại cho địch.

Năm 1894 lực lượng chống Pháp của Hoàng Mãn hoạt động ở sông Thao dần dần

liên lạc phối hợp được với các cánh quân khác do Nguyễn Thiệu Trọng, Đặng Sum Su (người Đảo Hoàng Cầu), có Yóc và Chu Mằm, được nhân dân các dân tộc ủng hộ, nhất là đồng bào H’mông.

Trận Kim Mọi do Chu Mằm chỉ huy vào giữa tháng 7 năm 1894 đã gây cho địch nhiều thiệt hại.

Sau trận Kim Mọi, nghĩa quân Chu Mằm tách khỏi nghĩa quân Hoàng Mãn, vận động về phía Bắc, đánh quân đông của Diêu Văn Tri ở Quỳnh Nhai, buộc chúng phải chạy về mường Lay.

Năm 1896, tình hình khó khăn, một số nghĩa quân rút vào bí mật, còn một số chủ động rút theo hướng bắc sang Vân Nam Trung Quốc (3).

10. *Quám xói Hán, phân mường xẩm (Kể chuyện gác Hán phân mường xẩm 1914-1918).*

“Quám tổ mường của mường La có đoạn ghi:

Năm Cáp Nhi (tức Giáp Dần 1914) có cuộc đánh Pháp nổ ra đầu tiên ở Sầm Nưa do Lương Sám dẫn đầu. Hòn Xám ở Mộc Châu cũng hưởng ứng hai ông là người Hoa đã ở đất Thái lâu đời. Chăm Văn Tứ phía cũ ở Mường Trai (mường La) đã theo Bạc Chăm Châu cũ ở mường Muối, Lương Văn Nó phía mường Lằm (Sông Mã) cũng theo”.

Ngày 10 tháng 11 năm 1914 nghĩa quân Lương Sám đã nổi dậy đánh chiếm Sầm Nưa (Lào)

Cuộc khởi nghĩa này được các phía mường Lằm, mường Hung, Chiềng Cang hưởng ứng. Như vậy suốt một dải thuộc sông Mã từ Sầm Nưa tới mường Lằm, lúc đó do nghĩa quân Lương Sám và những người yêu nước kiểm soát.

Từ Chiềng Khương, quân khởi nghĩa đã tiến về chiếm Mai Sơn, La Thanh phủ (Lê

(1) Bùi Tịnh - Chăm Trọng. *Nhân dân Tây Bắc chống thực dân Pháp (1858-1930*. Ban Dân tộc khu Tây Bắc xuất bản, tập 1, 1972, tr.37-38.

(2) *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái...* Sdd, tr.380 và 382.

(3) Bùi Tịnh - Chăm Trọng. *Nhân dân Tây Bắc chống thực dân Pháp 1858-1930*. Sdd, tr.63-65.

Sénh Phủ) một người Hoa sinh sống lâu năm ở Mai Sơn, đã phối hợp với một số người ở địa phương, vận động nhân dân Mai Sơn tiếp đón và giúp đỡ nghĩa quân.

Đến ngày 11-12-1914 nghĩa quân từ Mai Sơn kéo về đánh chiếm tỉnh lỵ Sơn La. Chỉ sau vài giờ, nghĩa quân đã chiếm được đồi Khan Cỏ, dồn địch vào khu trại lính.

Ngày 21-12-1914, những người khởi nghĩa ở Tạ Khoa và bản Vân do Mùi Văn Plôi lãnh đạo đã nổi dậy chiếm trạm bưu điện và giết chết tên trạm trưởng người Pháp, cắt đứt liên lạc bằng điện thoại giữa Sơn La - Yên Bái - Hà Nội.

Ngày 25-12-1914 nghĩa quân Lường Sám đã qua đường Sông Mã tiến về mừng Thanh. Khiếp sợ trước sức mạnh của quân khởi nghĩa tên quan đồn mừng Thanh đã tự sát. Đồn mừng Thanh bị tan vỡ, song Lường Sám không đóng quân ở đấy, mà rút sang Lào.

Nghĩa quân đã đánh một số trận gây cho địch bị thiệt hại như Xốp Nao Thượng Lào giáp Điện Biên). Trận phục kích U Tửa ngày 13-3-1915 đã giải thoát cho 800 người dân Tây Bắc và Thượng Lào bị địch bắt làm phu tải, đánh chiếm tỉnh lỵ Phong Xa Lý ngày 2-8-1915 v.v...

Tháng 2-1916 nghĩa quân đánh chiếm Phong Thổ, sau đó rút hẳn về Trung Quốc.(1)

11. Quám xóc Mẹo (Quám xóc Mẹo bả chay - Kể chuyện về cuộc đời nổi dậy của Pa Chay (1918-1922).

“Quám tố mừng” Mừng La ghi: “Năm Pác sa nga (Mậu Ngọ 1918) người Mèo ở trên núi cao đã theo ông Chay đánh Tây. Thoạt tiên họ đánh Mừng Báng, Mừng Mùn. Sau lan sang đánh Mừng Thanh rồi Long Hẹ, họ đánh vì năm ngoái tây bắt nộp thuế ba lần. Lính tây và lính phía tạo Thái bị họ đánh thiệt hại nhiều. Tây không đánh nổi nên phải dùng cách dụ dỗ”.

Khoảng giữa năm 1918 nổ ra cuộc bạo động của đồng bào H'mông và Dao ở Lả Phênh (Tủa Chùa), do hai ông Chếu và Ténh

cùng một số thủ lĩnh người Dao đứng đầu chống lại việc nộp thuế quá nặng. Tiếp sau là cuộc nổi dậy ở vùng cao Điện Biên và Long Hẹ (Thuận Châu).

Cuộc nổi dậy ở Điện Biên do Vũ Pa Chay, Hàng Nhìn Tủa, Vàng Dỳ Lệnh và Thào Chu Tú đứng đầu.

Các cuộc nổi dậy ở Long Hẹ và Điện Biên đã liên hệ chặt chẽ với nhau và đã nhanh chóng tạo ra ảnh hưởng sâu rộng khắp vùng cao Sơn La, Lai Châu và Thượng Lào. Cũng từ đó Vũ Pa Chay trở thành ngọn cờ tiêu biểu nhất của phong trào chống giặc Pháp ở vùng cao.

- Chiến thắng Pú Nhi, Long Hẹ gây cho địch nhiều thiệt hại nặng.

- Ngày 1- 9- 1919 nghĩa quân đánh úp vị trí ở thung lũng Nậm U (Thượng Lào). Nhiều tên bị giết, trong đó có tên quan hai Đi-tăng-ti.

Phong trào kéo dài 4 năm đã làm cho địch nhiều rối ren, thiệt hại nặng về người và của. Pa Chay đã nêu rõ con đường chính nghĩa và thúc đẩy mọi người tiến lên.

Pa Chay đã tỏ ra là một người chỉ huy có tài, với vũ khí thô sơ ông đã lợi dụng địa hình hiểm trở của vùng cao để phát huy thế mạnh của đoàn kết dân tộc để chống giặc (2).

12. Mít tánh bản đư mừng (Luật mừng - lệ mừng)

Lệ mừng có 21 lệ mừng qui định người dân trong mừng đi phục dịch dựng nhà, làm vụ mùa, chiêm cho các tạo pọng... Lệ đi săn, cúng, tế... đến lệ dựng nhà, lệ các bạn pọng về hầu tạo và các khách mừng khác... cần phải có qui định sinh lễ ra sao. Rịt không mừng bản. Có thể dịch là phong tục tập quán hay bao gồm cả lệ và luật.

Luật lệ định ra với từng loại người: 47 điều răn, 17 luật, với các việc như: hôn nhân, luật cư trú, luật hình sự, luật xử phạt, luật tương trợ giúp đỡ có tính chất nhân đạo...

(1), (2) Tài liệu lưu trữ của Sở văn hóa Sơn La

II. Về phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng

13. Xên pang cha (Xên mừng cách gọi của dân Thái Thuận Châu)

Là lễ cúng to nhất của hàng châu lai. Nhân dịp Án nha tổ chức *Xên hươn* cho tất cả mọi người trong toàn châu nên phải xuống kiểm đồ cúng tế tận Hà Nội mới có đầy đủ được. Các thứ cúng tế cần chuẩn bị thì xem số của ông Mo, còn các khoản trâu, bò, lợn, gà, rau cỏ, lòng cá, rau thơm thì do *án nha* qui định.

Dân mỗi châu mừng, mừng trong cũng như bốn mừng ngoài phải nộp 3,6 nén bạc. Riêng Mừng Muối tức mừng trong phải nộp các thứ để phục dịch khách khứa. Khi án nha cần gì sức cho phía lý và bốn xuống thì các ông phải bỏ thu dân Thái, Xá, Mèo cho đủ số trâu, bò, lợn, gà, vịt cần thiết. Khi đã chuẩn bị xong, án nha mới sai các quan chiêng đi mời vua, quan, án nha, các mừng khác châu về dự. Chọn ngày lành tháng tốt, ông Mo tiến hành sắp xếp các khoản nào cần trước, cần sau. Lễ *xên pang cha* kéo dài 3 ngày, 3 đêm mới xong.

"Xên cha" là ngày lễ lớn của người Thái đen, nhất là ở Thuận Châu, nhằm cầu trời đất, khi thời bình phù hộ cho dòng chúa đất và toàn thể bản mừng, lúc thời chiến, phù hộ cho thắng trận. Nội dung chủ yếu của ngày hội xên cha là dâng *cong* và múa *làng* tức múa khiên hình đuôi công để diễn đạt lại sự tích. Khi xưa người "Xá" phải thuận phục phong kiến Thái. Có thể coi đây là kỷ niệm chiến thắng của các tù trưởng Thái khi thiên di vào Tây Bắc Việt Nam. Thường mỗi đời chúa đất, tổ chức lễ xên cha từ 1 đến 2 lần. Lần đầu là lễ dâng quang lên ngôi chúa đất. Lần hai tổ chức nhân dịp trong mừng có một chiến tích, hay tai ương dịch họa...(1).

14. Xên túng quí (cách gọi của dân Thái mừng La).

Về nghi thức có nhiều nét tương đồng với xên cha. Nội dung: cúng *phi bản*, *Phi mừng*,

khuôn minh mừng- cúng ma bản ma mừng, gọi hồn mừng.

15. Xên pang pạnh (cách gọi của dân Thái Mui Sơn)

Cũng giống như *Xên cha* của Thuận Châu

16. Xên mừng

Tục lệ hàng năm vào dịp đầu xuân, chúa đất và toàn thể bản mừng tổ chức lễ cúng bái trời đất, thần linh, các tổ tiên dòng họ chúa, các ma quỷ... phù hộ cho chúa và bản mừng một năm tốt đẹp.

Lễ này thực chất là nhằm củng cố khối cộng đồng của toàn mừng và khẳng định quyền thống trị của giai cấp quý tộc Thái.

Lễ nộp gồm: một trâu, một bò, năm lợn, một chó, một vịt, 32 gà, rau thơm, lòng cá, trâu vò, ghé mây, chiếu, ống nước, bầu nước, rượu. Lễ tiến hành ở *hông tay* trên nhà lớn (*hươn lưỡng*) của án nha.

Lễ *xên mừng* thường cũng là dịp khai mạc một năm sản xuất, lao động. Lễ tổ chức rất to, toàn mừng về dự ăn uống hai ba ngày. Phí tổn do dân phải đóng góp.

Lễ này thực chất là nhằm củng cố khối cộng đồng của toàn mừng và khẳng định quyền thống trị của giai cấp quý tộc Thái (2).

Lễ nộp gồm: một trâu, một bò, năm lợn, một chó, một vịt, 32 gà, rau thơm, lòng cá, trâu vò, ghé mây, chiếu, ống nước, bầu nước, rượu.

Lễ tiến hành ở *hông tay* trên nhà lớn (*hươn lưỡng*) của án nha.

17. Tế nùng Han ở Phong Thổ

Ở Phong Thổ có thần mừng là nùng Han, một huyền thoại nữ tướng tài giỏi trong chiến trận. Sau một trận giao tranh ác liệt, vì quá nóng nên nùng Han cởi quần áo xuống Mỏ Nước để tắm, vì thân thể kỳ đàn ông, nên

(1) Bùi Tịnh - Chăm Trọng Nhân dân Tây Bắc chống thực dân Pháp (1858-1930) S.d.d, tr.69.

(2) Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái. Sdd, tr.380 và 382.

khí nàng tắm, một người đàn ông đã nhìn thấy thân thể nàng, lập tức nàng biến mất vào Mỏ Nước trong. Dân bản hàng năm cúng tế nàng tại Mỏ Nước.

18. Xên Kê Kho mường

Lễ cúng hàng năm để giải hạn, lễ cầu đuổi các điều không tốt lành tránh cho dòng chúa đất họ Bạc Thuận Châu và cho bản mường.

Sau khi làm lễ thả một bè cầm *ta leo* gọi là ma quỷ, hồn người chết lang thang lên bè rồi thả bè trôi sông. Dọc bờ sông cầm *ta leo* cho ma quỷ không trốn về được. Bè đang trôi qua địa phận của mường, người theo bè, chém ngang bè rồi rút *ta leo* cầm lên hai bờ, tin rằng ma quỷ không trở lại nữa. Khi người ta theo bè về, phải cúng gọi hồn cho người đó (*xú khuôn*) sợ hồn đi theo ma quỷ rồi mới cho người đó vào nhà.

Trong những trường hợp *Xên Kê kho...*, do quan niệm xưa đuổi ma quỷ hay những điều xấu sang mường khác, hay xui bắt người mường khác lên hầu hạ mẹ bản (*Xên co, Xên ten*) tức là mong mường khác có người phải chết để đạt mục đích cho mường mình yên lành, nên thường xảy ra những nghi kỵ, xích mích, xung đột giữa các dân tộc, giữa các mường.

19. Páo khuôn mường Phạ mường lum

Là lễ gọi hồn người sống đi chơi xa, lạc đường lạc lối về nhà, do thầy mo thực hiện.

20. Khấp khấu hươn

Hát lên nhà mới, chúc cho ngôi nhà thịnh vượng, con cháu đầy nhà... diệt trừ điều ác, vì theo quan niệm, nếu đuổi được ma tà ám ảnh sẽ có điều lành.

21. Cái phường hặc, phường chau

Khi vào giai đoạn đầu của đám cưới, đại diện nhà trai, đại diện nhà gái, hai bên mỗi lái, dâu gia có những lời chỉ bảo khiêm tốn, dạn dỏ, có tính chất bài bản, văn điệu.

22. Quám sử náng

Giống như *phương hặc, phường chau* nhưng là của quý tộc Thái ở Phong Thổ. Đây là lời mỗi lái của ông mỗi hai bên dâu gia.

23. Quắm cứ cữm

Bài ca ca ngợi công đức của quý tộc với bản mường.

24. Quắm tu tắng nội, ta tắng uông

Những bộ chiêng trống quý giá lấy từ các mường Lào, mường Kinh, những đồ cúng nạp quý giá là của bản mường do tạo phía nắm giữ. Các bộ chiêng trống được sử dụng vào những ngày lễ hội, ma chay, cúng tế...

25. Quắm xo coong, xo cong

Để tỏ tình bằng hữu, giao hòa giữa các bản mường và quốc gia với nhau, các chúa đất quý tộc thường biếu nhau các bộ chiêng. Đây là bài của sứ giả để cảm tạ tình hữu hảo giữa hai bên với nhau.

26. Quắm xo náng

Là bài hát dùng nhiều cách ẩn dụ, nhún nhường, dùng cho các ông, bà mỗi lái, đi ước hỏi, xin dâu xin rể cho dâu gia hai bên quý tộc.

27. Lam táng

Đọc trong đám ma, đưa hồn người chết lên trời, đến miền cực lạc.

28. Sún sống

Khóc đưa tiễn người chết, có tính chất kể lể, cảm động, có thể đọc cả đêm. Qua lời người hát *sún*, có thể hình dung ra cả một cuộc đời thu nhỏ của người đã chết.

29. Quán xon cốn

Đó là những luật lệ, lệ chỉ bảo răn dạy, hướng dẫn làm việc tốt, không làm điều ác, sống theo luật mường, lệ mường, làm điều hay lẽ phải. Đây là nét tiến bộ trong cách cai trị của quý tộc Thái.

III. Văn học

30. *Xống chụ xon xao*

Một kiệt tác trữ tình của văn học Thái được giới thiệu rộng rãi và là tác phẩm đầu tiên của văn học Thái sau cách mạng.

Xống chụ xon xao là cuộc đấu tranh đến cùng để bảo vệ tình yêu của người phụ nữ. Tác phẩm này gồm 1850 câu thơ. Có người so *Xống chụ xon xao* với *Truyện Kiều*, nói đó là *Truyện Kiều* của người Thái. Điều đó nói lên lòng yêu mến của nhân dân Thái với tác phẩm.

31. *Khun Lú- Nàng Ủa*

Thiên tình sử lâm ly, ai oán. *Truyện kể* rằng; hai chị em ruột, con nhà khá giả là *Cắm Xôm* và *Ngân Liêng* (Sánh vàng, Cấn bạc) đã lấy chồng thuộc hàng sang hèn khác nhau, sinh ra chàng *Lú* và nàng *Ủa*. Hai anh em con bá con gi, dù không cùng đẳng cấp, nhưng đã từng nằm chung nôi và đã từng uống chung hai dòng sữa mẹ. Lớn lên đã yêu nhau say đắm. Nhưng mối tình đôi lứa đã trắc trở do luật tục đẳng cấp khác nhau. Họ quyết chí lấy nhau bằng được, bất chấp mọi cấm dõ vinh hoa phú quý và quyền lực đe dọa.

Khi chết lên trời hai người biến thành hai ngôi sao nhấp nháy bên dòng *Ngân Hà*.

Tác phẩm dài hơn hai ngàn câu thơ. Nội dung khúc triết, kết cấu tác phẩm hài hòa. Nhân vật có tính cách mạnh mẽ làm cho tác phẩm trở nên một trong những kiệt tác của văn học Thái.

32. *Chương Hun*

Đó là thiên anh hùng ca kiệt xuất của dân tộc Thái dựa trên huyền thoại về người anh hùng *Chương Han*. Huyền thoại này phản ánh thời kỳ tranh hùng, tranh bá, phân chia đất đai dựng mường từ rất xa xưa. Ở đoạn đầu *Chương Han* là một chàng trai dũng mãnh được "Then" trao cho thanh gươm thần tên là "Nang xénh", để thực hiện mưu đồ dùng một lực lượng quân sự hùng mạnh phá

tung các thế lực mường nhỏ cát cứ, thống nhất thành mường lớn. *Chương đã* thổi lá cây thành triệu binh đi chinh chiến khắp đó đây. *Chương* đánh vào đất *phạ Huôn*. *Chủ phạ Huôn* là con của *Then*, *Then* phải chạy tới cõi trời để cầu cứu cho binh xuống đánh *Chương*. *Then* tức tốc cho lũ quỷ "Mèn" đánh nhau với binh *Chương Han* diễn ra rất ác liệt. Khi *Chương Han* sắp sửa thắng thì "Then đúc" đã xuống hóa phép cho bọn quỷ sống lại và cuộc chiến đấu lại tiếp tục.

Ở phần hai, *Chương Han* dẫn binh thiện chiến của mình lên cõi trời để đánh tan mường quỷ "Mèn" rồi đập tan thế lực của "Then đúc" tại "Cánh đồng ló" ngoài vòm trời. Cuối cùng "Then Luông" (chủ cõi Trời) đã phong cho *Chương Han* làm "Then" ngang với "Then ví" để điều khiển việc chiến tranh cho thiên hạ.

Truyện thơ dài 2500 câu, có chương đoạn và kết cấu nghệ thuật rõ rệt. Nghệ thuật có phần ước lệ mô tả, các trận đánh lớn gần na ná như nhau. Lời thơ hùng tráng khí phách anh hùng.

33. *Si Thạt - Si La*

Là anh hùng ca chiến đấu giữa hai người hùng là *Si Thạt - Si La*. *Si Thạt* và *Si La* đánh nhau, người ở trong thành, kẻ ngoài thành. Trận đầu: *Si Thạt* biến thành gà trống mổ rết, *Si La* lại hóa thành cò rấn cắn rết. *Si La* không thắng.

Trận thứ hai: *Si Thạt* biến thành điều hâu, cắp gà con của *Si La*. *Si La* biến thành cây cung bắn điều hâu.

Trận thứ ba: *Si La* biến thành điều hâu cắn rấn của *Si Thạt*.

Si Thạt thua, gả em gái mình là nàng *Ukẹo* cho *Si La* để giảng hòa.

34. *Năng Bó Cọt*

Là *Tiếng than* ai oán của *Năng Bó Cọt* oan trách người chồng phụ bạc. Để nàng chờ đợi, vò vó, cô đơn. Người chồng này đánh bạc, mai rượu chè. *Tiếng hát than thân* của người

phụ nữ như trách móc, tiếc thương cho số phận của mình.

35. Khấp Then

Như hát *Páo khuôn mường pha* nhưng *khấp then* là của vùng Thái Trắng. Khi hát có kèm đàn tính tấu và nhạc khí, đôi lúc có cả múa.

36. Tục ngữ Thái

Được sưu tầm ở nhiều vùng Thái Tây Bắc. Tục ngữ Thái đã đúc kết nhiều kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, trong đời sống văn hóa tinh thần và sinh hoạt xã hội.

37. Khấp nạn khu ống

Là hình thức sinh hoạt văn hóa rất sôi nổi của trai gái Thái. Người ta có thể hát thâu đêm, suốt sáng những lời ca tình tự, những khúc hát yêu thương, hay đối đáp, thi đấu...

38. Thi Thốn

Câu truyện cổ tích này, cả ở Thái Lan và Lào đều có và mô típ giống nhau. Đó là truyện thơ dài nói về chàng trai tên là Thi Thốn. Thi Thốn là chàng trai nghèo sống ở gốc đa làm nghề đốn củi, một lần tình cờ gặp bầy nàng tiên con trời xuống tắm và đã lấy được cô thứ bảy. Hạnh phúc không được bao lâu thì cô tiên về trời. Thi Thốn lên tìm và ở đây diễn ra cuộc thi tài đấu sức để giành lại hạnh phúc.

39. Mạnh Tông

Truyện thơ dài nói về phép biến hóa kỳ diệu của một nhân vật văn hóa tên là Mạnh Tông.

40. Pập mư

Lịch Thái và cách xem giờ, ngày, tháng, năm của người Thái.

41. Văn Hoan

Là tác phẩm thơ trùng tên tác giả nói về tình yêu đất nước, con người.

42. Hiến Hom

Truyện thơ dài nói về mối tình giữa nàng Hiến Hom và Cám Đồi, vì sự chia lia đôi lứa do gia đình đã dẫn đến cái chết cho cả hai.

43. Nàng Phôn Hom

Truyện thơ dài về nàng công chúa tóc thơm.

44. Quám Ka Đông

Truyện thơ về cuộc tranh giành công chúa với nhiều mừng lân cận. Vì tài giỏi Ka Đông đã chiến thắng lấy được công chúa và lên ngôi.

*

*

*

Bản dẫn liệu thư mục này mới chỉ giới thiệu tóm tắt sơ lược nội dung sách Thái cổ giúp ta hiểu được phần nào giá trị quý giá của kho sách cổ này, qua đó để hiểu sâu thêm giá trị nhân văn của dân tộc Thái. Các pho sách này có những giá trị để nghiên cứu lịch sử văn hóa.

Thời gian vừa qua các nhà thơ, nhà văn, nhà sử học, dân tộc học đã giới thiệu và nghiên cứu như: Cẩm Biên, Mặc Phi, Cẩm Trọng, Cẩm Cường, Tông Kim Ân, Vương Trung... Nhiều cuốn sách đã được sưu tầm, biên soạn, giới thiệu. Bên cạnh đó cũng còn nhiều cuốn mới chỉ đang lưu truyền trong dân gian hay nằm trong kho lưu trữ. Vì vậy hướng sắp tới của chúng ta là phải có phương pháp tập trung sưu tầm nhằm bảo tồn và duy trì tập hợp sản phẩm sách cổ quý giá này.